

Bản án số: 398/2023/HS-PT

Ngày: 14-9-2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phạm Việt Cường**

Các Thẩm phán: Ông **Phạm Tồn**

Bà **Trần Thị Kim Liên.**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Minh Nhật** - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng: Bà **Nguyễn Thị Vân**
- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 14-9-2023, từ điểm cầu trung tâm tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng kết nối với điểm cầu thành phần tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam xét xử phúc thẩm công khai bằng hình thức trực tuyến vụ án hình sự thụ lý số 360/2023/LPT-HS ngày 31-7-2023 đối với bị cáo Đặng Thiệu L và các bị cáo khác. Do có kháng cáo của các bị cáo và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 50/2023/HS-ST ngày 23-6-2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam.

- Các bị cáo kháng cáo và bị kháng nghị:

1. Đặng Thiệu L (tên gọi khác: Lâm con), sinh ngày 24-11-1994, tại Quảng Nam; nơi Đăng ký HKTT và chỗ ở: Thôn C, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; trình độ văn hóa: 12/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông Đặng Văn S, sinh năm 1972 và bà Nguyễn Thị Thiệu H, sinh năm 1975; vợ là Nguyễn Thị Thu D, sinh năm 1992 và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt ngày 13-4-2021, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Q, có mặt tại điểm cầu thành phần.

2. Lê H1 (tên gọi khác: G), sinh ngày 19-3-1995, tại Quảng Nam; nơi Đăng ký HKTT và chỗ ở: Thôn M, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Nam; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; trình độ văn hóa: 12/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông Lê Đình C, sinh năm 1971 và bà Trần Thị C1, sinh năm 1972; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt ngày 29-12-2020, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Q, có mặt tại điểm cầu thành phần.

3. Phạm Hữu N, sinh ngày 21-6-2002, tại Quảng Nam; nơi Đăng ký HKTT và chỗ ở: Khối phố X, xã N, huyện D, tỉnh Quảng Nam; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; trình độ văn hóa: 9/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông Phạm T và bà Đinh Thị P (sinh năm 1980); tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt ngày 07-12-2020, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Q, có mặt tại điểm cầu thành phần.

4. Trần Viết S1 (tên gọi khác: Sự K), sinh ngày 11-02-1996, tại Quảng Nam; nơi Đăng ký HKTT và chỗ ở: Thôn M, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Nam; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; trình độ văn hóa: 8/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông Trần Đình P1, sinh năm 1968 và bà Nguyễn Thị L1, sinh năm 1970; vợ là chị Hồ Thị Minh D1, sinh năm 1996 và có 01 con.

Tiền sự: Ngày 11-3-2019, Công an huyện D xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức Cảnh cáo về hành vi Sử dụng trái phép chất ma túy.

Bị cáo bị bắt ngày 30-10-2021, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Q, có mặt tại điểm cầu thành phần.

- Các bị cáo kháng cáo:

5. Nguyễn Thế T1, sinh ngày 24-9-2002, tại Quảng Nam; nơi Đăng ký HKTT và chỗ ở: Khối phố B, thị trấn N, huyện D, tỉnh Quảng Nam; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; trình độ văn hóa: 8/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông Nguyễn Thế N1, sinh năm 1973 và bà Nguyễn Thị H2, sinh năm 1970; tiền án: Không.

Tiền sự: Ngày 27-02-2019, Công an thị trấn N xử phạt vi phạm hành chính về hành vi Trộm cắp tài sản.

Bị cáo bị bắt ngày 07-4-2023, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Q, có mặt tại điểm cầu thành phần.

6. Nguyễn Văn Q, sinh ngày 19-10-1999, tại Quảng Nam; nơi Đăng ký HKTT: Thôn H, xã Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam; chỗ ở: Thôn H, xã Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; trình độ văn hóa: 9/12; nghề nghiệp: Lái xe; con ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1968 và bà Trần Thị Thanh T2, sinh năm 1972; vợ là Nguyễn Thị Lan A và có 01 con.

Tiền sự: Ngày 29-5-2020, Công an thị xã Đ xử phạt vi phạm hành chính về hành vi Xâm hại sức khỏe người khác và Hủy hoại hoặc cố ý làm hư hỏng tài sản.

Bị cáo bị bắt ngày 07-4-2023, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Q, có mặt tại điểm cầu thành phần.

7. Lê Đình D2, sinh ngày 09-4-2003 (khi phạm tội 16 tuổi 06 tháng 23 ngày), tại Quảng Nam; nơi Đăng ký HKTT: Khối phố Q, phường Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam; chỗ ở: Khối phố Q, phường Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; trình độ văn hóa: 9/12; nghề nghiệp: Không; con ông Lê Đình D3, sinh năm 1969 và bà Nguyễn Thị Thu H3, sinh năm 1973; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt ngày 07-4-2023, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Q, có mặt tại điểm cầu thành phần.

- Các bị cáo bị kháng nghị:

8. Nguyễn Văn Q1 (tên gọi khác: Quốc L2), sinh ngày 13-8-1997, tại Quảng Nam; nơi Đăng ký HKTT và chỗ ở: Khối phố E, thị trấn H, huyện T, tỉnh Quảng Nam; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; trình độ văn hóa: 7/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông Nguyễn Văn L3, sinh năm 1963 và bà Trần Thị Tuyết T3, sinh năm 1962 (đều đã chết).

Tiền án: Ngày 17-12-2014, Tòa án nhân dân thành phố Tam Kỳ xử phạt 36 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” (chưa chấp hành xong phần dân sự).

Tiền sự: (1) Ngày 12-9-2018, Công an huyện T xử phạt vi phạm hành chính số tiền 2.500.000 đồng về hành vi Xâm hại sức khỏe của người khác, (2) Ngày 01-7-2019, Công an thị trấn H, huyện T xử phạt vi phạm hành chính số tiền 1.000.000 đồng về hành vi Sử dụng trái phép chất ma túy, (3) Ngày 03-7-2019, Công an huyện T xử phạt vi phạm hành chính số tiền 3.250.000 đồng về hành vi Sử dụng trái phép chất ma túy, tàng trữ các loại dao (đều chưa nộp phạt), (4) Ngày 08-10-2019, Tòa án nhân dân huyện Thăng Bình quyết định đưa đi cai nghiện bắt buộc trong thời hạn 15 tháng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy và (5) Ngày 17-5-2020, bị Công an huyện T xử phạt số tiền 2.500.000 đồng về hành vi xâm hại sức khỏe của người khác (chưa nộp phạt).

Bị cáo bị bắt ngày 15-12-2020, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Q, có mặt tại điểm cầu thành phần.

9. Nguyễn Ngọc A1 (tên gọi khác: A Hennessy) sinh ngày 17-8-2000, tại Quảng Nam; nơi Đăng ký HKTT và chỗ ở: Thôn Q, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; trình độ văn hóa: 9/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông Nguyễn Ngọc B, sinh năm 1980 và bà Dương Thị Cẩm V, sinh năm 1981; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt ngày 22-12-2020, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Q, có mặt tại điểm cầu thành phần.

10. Trà Tấn N2, sinh ngày 20-4-2001, tại Quảng Nam; nơi Đăng ký HKTT và chỗ ở: Thôn Đ, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; trình độ văn hóa: 9/12; nghề nghiệp: Thợ hồ; con ông Trà Tấn L4, sinh năm 1978 và bà Võ Thị Thu N3, sinh năm 1980.

Tiền sự: Ngày 14-11-2019, Công an huyện T xử phạt vi phạm hành chính số tiền 2.500.000 đồng về hành vi Xâm phạm sức khỏe người khác.

Bị cáo bị bắt ngày 07-12-2020, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Q, có mặt tại điểm cầu thành phần.

11. Lê Trí T4, sinh ngày 10-6-2000, tại Quảng Nam; nơi Đăng ký HKTT và chỗ ở: Đ, thôn P, xã D, huyện D, tỉnh Quảng Nam; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; trình độ văn hóa: 8/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông Lê Văn Đ, sinh năm 1967 và bà Trần Thị H4, sinh năm 1967; vợ là chị Trương Thị Ngọc H5, sinh năm 2001 và có 01 con; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt ngày 07-12-2020, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Q, có mặt tại điểm cầu thành phần.

12. Nguyễn Trọng L5 (tên gọi khác: K1), sinh ngày 15-12-2002 (khi phạm tội 17 tuổi 10 tháng 18 ngày) tại Đà Nẵng; nơi Đăng ký HKTT và chỗ ở: Tổ C, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; trình độ văn hóa: 9/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông Nguyễn Văn T5, sinh năm 1969 và bà Phan Thị Thu T6, sinh năm 1967; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt ngày 02-10-2021, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Q, có mặt tại điểm cầu thành phần.

13. Võ Như N4 (tên gọi khác: Út H6), sinh ngày 10-11-2003 (khi phạm tội 16 tuổi 11 tháng 23 ngày), tại Quảng Nam; nơi Đăng ký HKTT và chỗ ở: Khối phố E, thị trấn H, huyện T, tỉnh Quảng Nam; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; trình độ văn hóa: 9/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông Võ Như H7, sinh năm 1969 và bà Nguyễn Thị Mai T7, sinh năm 1974; tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: (1) Ngày 03-8-2018, Công an huyện T xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức Cảnh cáo về hành vi Trộm cắp tài sản và (2) Ngày 21-12-2021, Tòa án nhân dân huyện Thăng Bình xử phạt 18 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 15-12-2020 đến ngày 10-8-2021; bị bắt lại ngày 11-02-2023, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Q, có mặt tại điểm cầu thành phần.

14. Nguyễn Thế T8, sinh ngày 15-7-2001, tại Quảng Nam; nơi Đăng ký HKTT và chỗ ở: Khối phố L, xã N, huyện D, tỉnh Quảng Nam; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; trình độ văn hóa: 7/12; nghề nghiệp: Thợ hót tóc; con ông Nguyễn Thế P2, sinh năm 1975 và bà Trần Thị Hồng Đ1, sinh năm 1982; tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: (1) Ngày 04-9-2017, Công an huyện D xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt Cảnh cáo về hành vi Gây rối trật tự công cộng, (2) Ngày 12-8-2020, UBND thị trấn N xử phạt vi phạm hành chính về hành vi Xâm hại sức khỏe người khác và (3) Tại bản án hình sự sơ thẩm số 34/2022/HSST ngày 15-9-2022, Tòa án nhân dân huyện Tiên Phước xử phạt 03 năm 06 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”.

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 02-02-2021; đến ngày 01-7-2021, được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn cho Bảo lãnh; đến ngày 26-11-2021 bị bắt lại, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Q, có mặt tại điểm cầu thành phần.

15. Nguyễn Thế V1, sinh ngày 14-5-1986, tại Quảng Nam; nơi Đăng ký HKTT và chỗ ở: Khối phố L, xã N, huyện D, tỉnh Quảng Nam; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; trình độ văn hóa: 9/12; nghề nghiệp: Buôn bán; con ông Nguyễn Thế Q2, sinh năm 1966 và bà Nguyễn Thị M1, sinh năm 1964; vợ là Lê Thị Như N5, sinh năm 1988; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt ngày 31-10-2021, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Q, có mặt tại điểm cầu thành phần.

16. Võ Thành T9, sinh ngày 14-10-2000, tại Quảng Nam; nơi Đăng ký HKTT và chỗ ở: Thôn L, xã D, huyện D, tỉnh Quảng Nam; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; trình độ văn hóa: 9/12; nghề nghiệp: Lao động phổ thông; con ông Võ Đức B1, sinh năm 1969 và bà Đặng Thị S2, sinh năm 1976 vợ là Nguyễn Thị Kim Y và có 01 con.

Tiền sự: Ngày 31-3-2020, Công an xã D, huyện D xử phạt vi phạm hành chính số tiền 750.000 đồng về hành vi Gây rối trật tự công cộng.

Nhân thân: Ngày 23-3-2016, Công an thị trấn N, huyện D xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt Cảnh cáo về hành vi Đánh nhau.

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 02-02-2021; đến ngày 01-7-2021, được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn cho Bảo lãnh; đến ngày 26-11-2021, bị bắt lại, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Q, có mặt tại điểm cầu thành phần.

Người tham gia tố tụng có liên quan đến kháng cáo, kháng nghị:

- Người bào chữa:

1. *Người bào chữa cho các bị cáo* Đặng Thiều L, Trà Tấn N2:

Luật sư Ngô Thanh T10 - Văn phòng L8, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Q, có mặt tại điểm cầu thành phần.

2. *Người bào chữa cho bị cáo* Lê H1:

Luật sư Nguyễn Thành Q3 - Văn phòng L9 và Cộng sự, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Q, có mặt tại điểm cầu thành phần.

3. *Người bào chữa cho bị cáo* Nguyễn Trọng L5:

Luật sư Nguyễn Văn H8 - Công ty TNHH T18, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Q, có mặt tại điểm cầu thành phần.

4. *Người bào chữa cho bị cáo* Lê Trí T4:

Luật sư Lưu Thị L6 - Văn phòng L10, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Q, có mặt tại điểm cầu thành phần.

5. *Người bào chữa cho bị cáo* Nguyễn Văn Q1:

Luật sư Phạm Tiến H9 - Công ty TNHH T18, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Q, có mặt tại điểm cầu thành phần.

6. *Người bào chữa cho bị cáo* Trần Viết S1:

Luật sư Bùi Bá D4 - Văn phòng L11, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Q (Trần Viết S1 từ chối người bào chữa).

7. *Người bào chữa cho bị cáo* Phạm Hữu N:

Luật sư Bùi Anh N6 - Văn phòng L12, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Q, có mặt tại điểm cầu thành phần.

8. *Người bào chữa cho bị cáo* Nguyễn Ngọc A1:

Luật sư Nguyễn S3 - Văn phòng L13, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Q, có mặt tại điểm cầu thành phần.

9. Người bào chữa cho bị cáo Võ Như N4:

Bà Lê Thị N7 - Trợ giúp viên pháp lý, thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Q, có mặt tại điểm cầu thành phần.

- Người đại diện:

1. Người đại diện hợp pháp của bị cáo Võ Như N4:

Ông Võ Như H7, sinh năm 1969 và bà Phan Thị Mai T11, sinh năm 1974; địa chỉ cư trú: Khối phố E, thị trấn H, T, tỉnh Quảng Nam, có mặt tại điểm cầu thành phần.

2. Người đại diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn Trọng L5:

Ông Nguyễn Văn T5, sinh năm 1969 và bà Phan Thị Thu T6, sinh năm 1967; địa chỉ cư trú: Tổ C, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng, có mặt tại điểm cầu thành phần.

3. Người đại diện hợp pháp của bị cáo Lê Đình D2:

Ông Lê Đình D3, sinh năm 1969 và bà Nguyễn Thị Thu H3, sinh năm 1973; địa chỉ cư trú: Khối phố Q, phường Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam, có mặt tại điểm cầu thành phần.

- Bị hại:

1. Anh Nguyễn Thế T1, sinh năm 2002; địa chỉ cư trú: Khối phố B, thị trấn N, huyện D, tỉnh Quảng Nam (là bị cáo trong vụ án), có mặt tại điểm cầu thành phần.

2. Anh Nguyễn Văn H10, sinh năm 1999; địa chỉ: Thôn T, xã Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam (là bị cáo trong vụ án), có mặt tại điểm cầu thành phần.

(Vụ án còn có 04 bị cáo, gồm: Trần Quang L7, Nguyễn Văn H10, Trương Phú H11 và Dương Đình K2; có 10 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và có 08 người làm chứng nhưng không liên quan đến kháng cáo, kháng nghị, nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không triệu tập).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn H10 và Nguyễn Thế T8 có mâu thuẫn với nhau từ trước. Khoảng 21 giờ ngày 03-11-2020, Nguyễn Thế T8, Võ Thành T9, Nguyễn Thế T1 và Nguyễn Văn T12 nhậu tại quán “Hai V1” thuộc thị trấn N, huyện D sau đó T1 về trước. Lúc này, T8 nhớ lại trước đây T8 đi học nghề hớt tóc tại thành phố H bị H10 chặn đánh nên kể cho T9, T12 nghe rồi rủ đi tìm đánh H10. T8 chở cả hai đến chợ N11, huyện D lấy 01 con dao tại sạp bán cá trong chợ rồi đi đến tiệm G1 bán cá “Keny” thuộc thị trấn N để tìm H10, nhưng không gặp, do đó cả ba tiếp tục đi đến quán nhậu “Bigbo” để tìm H10. Khi đến, T8 gặp Dương Đình K2, nên hỏi “H10 có đây không”, K2 nói không biết. Sau đó, T8 cùng T9 và T12 đến quán “Hai V1” mượn tiền V1 để nhậu tiếp, nhưng T12 không muốn đi nữa nên nói T8 và T9 chở T12 về nhà. Khi về đến nhà T12, trong lúc T8, T9 đang đứng trước nhà, T12 lên mạng xã hội Facebook thấy H10 (tên facebook là Hiếu N8) đăng tin muốn tìm đánh T8, nên đã nói lại cho T8. Nghe vậy, T8 tức giận rủ T9 và T12 cùng đi tìm H10 để đánh, nhưng T12 không đi, còn T9 lấy xe mô tô chở T8 đi tìm H10. Khi về đến quán G2 bán cá “Keny”, T8 nhớ lại việc lúc nãy đã đến gây ồn ào,

nên nói T9 dừng xe lại rồi đi một mình vào quán để xin lỗi. Khi T8 từ trong quán “K3” đi ra thì gặp K2, Nguyễn Thế T1, Trần Quang L7 và Trương Phú H11. T1 nói với T8 về việc H10 đăng trên mạng xã hội Facebook muốn tìm đánh T8, còn K2 bảo T8 đi tìm H10 để đánh, thì T8 nói “Tao biết rồi, vào quán cà phê rồi tính tiếp”, tất cả cùng vào quán cà phê “Đêm” thuộc khối phố L, thị trấn N.

Nguyễn Văn H10 biết nhóm của Nguyễn Thế T8 đang tìm đánh mình, nên nhắn tin trên mạng xã hội Facebook nội dung “Mi ở mô tao tới”, nhưng không thấy T8 trả lời, nên H10 đăng tiếp “Yêu cầu T8 liên lạc với H10”. Sau khi đăng tin, H10 điện thoại cho Ngô Tuấn A2, Nguyễn Ngọc A1 và Trà Tấn N2 nhờ các đối tượng này đến cầu C Lâu cũ giúp H10 tìm đánh nhóm T8. Do A1 không đi, nên N2 nhờ một người bạn tên H1 (thị trấn H, huyện T) chở N2 đi. Khi gặp nhau, N2 điều khiển xe mô tô chở H10, còn H1 đi một xe mô tô cùng đến cây xăng P3 (thị xã Đ) gặp A2 và một người bạn đi cùng A2 (không xác định được họ tên, địa chỉ). H10 nói Anh giúp H10 tìm đánh T8, thì A2 và bạn của A2 đồng ý. Cả nhóm cùng đi đến khu vực bên hông cây xăng P3 lấy 03 két vỏ chai bằng thủy tinh (loại bia H12) mang theo để tìm đánh nhóm của T8. N2 chở H10 mang theo 01 két vỏ chai bia, các đối tượng còn lại đi trên 02 xe mô tô, mỗi xe mang theo 01 két vỏ chai bia.

Khi phát hiện Nguyễn Thế T8 và một số người đang ngồi trong quán cà phê Đ2, nhóm H10 dừng xe rồi H10 và N2 cầm vỏ chai bia đi vào. H10 nói với T8 “Mi tìm tao có chuyện chi, tao anh mi mà mi tìm tao làm chi, tao có quen biết đâu” rồi H10, N2 cầm vỏ chai bia ném vào T8 và những người đi cùng, làm cho T8, T9, T1 bị thương tích, còn H11 và L7 bỏ chạy qua cây xăng N12 trốn. Nhóm Thiện, T9, T1 và K2 nhặt vỏ chai nước ngọt ném lại nhóm H10. T9 lấy xe mô tô đi gọi Nguyễn Thế V1, còn K2 điều khiển xe mô tô chở T1 và L7 đuổi theo nhóm của H10. Khi chạy đến gần, K2 bị H10 dùng vỏ chai bia ném, nên K2 điều khiển xe đâm thẳng vào người H10, nhưng H10 tránh được và bị té ngã.

Nguyễn Thế V1 biết tin T8 bị đánh, nên lấy xe mô tô chạy đến quán cà phê “Đêm”. Khi đến nơi, V1 thấy H10 và T8 đang ném vỏ chai thủy tinh qua lại, thì V1 xuống xe, mở cốp xe lấy 01 con rựa (cán bằng gỗ hình trụ tròn dài khoảng 40 cm, lưỡi bằng kim loại dài khoảng 40 cm, mũi rựa có máu) cầm trên tay chạy đến chém một nhát vào người H10. H10 la lên “Em H10 đây anh Hai V2”. Do quen biết H10, V2 dừng lại. Cùng lúc này, vì biết trong cốp xe của V2 luôn có sẵn 02 cây rựa từ trước, nên T8 chạy đến lấy con rựa (giống con rựa V2 cầm) còn lại từ trong cốp xe của V2 chạy đến chém liên tiếp 3 - 4 nhát vào hai vai của H10, còn T9 cầm hai vỏ chai bia Huda đập vào đầu H10. Thấy vậy, V2 vứt con rựa xuống đường rồi dang tay cản T8 lại, nên H10 và N2 bỏ chạy vào quán nhậu “Rồng Vàng” để trốn. Trong lúc can ngăn, V2 bị thương ở tay nên chạy về lại quán để băng bó vết thương, còn nhóm T8, T9, T1 và K2 đi phía sau quán cà phê Đ2, chuẩn bị hung khí và chờ người đến để giúp đi tìm đánh lại nhóm của H10. Thấy chiếc xe mô tô hiệu Yamaha, loại Exiter BKS 92H1-305.30 (chủ sở hữu là anh Nguyễn Quốc V3, trú tại Khu phố G, thị trấn H, huyện T) do H10 để lại hiện trường, T8 đã dùng rựa chặt một nhát vào phần đầu xe làm hư hỏng, thiệt hại 2.290.000 đồng.

Sau khi bị Nguyễn Thế T8 và Võ Thành T9 đánh, Trà Tấn N2 chạy vào phòng bếp, còn H10 chạy vào nhà vệ sinh của quán nhậu “Rồng Vàng” trốn rồi gọi điện thoại

cho Đoàn Xuân T13 (quen trên mạng xã hội facebook) và Lê Ngọc T14 nhờ T14 và T13 tới đưa H10 đi cấp cứu tại Bệnh viện B2 thuộc xã N, huyện D, tỉnh Quảng Nam.

Khoảng 23 giờ 30 phút cùng ngày, Nguyễn Ngọc A1 cùng với Nguyễn Văn Q1, Võ Như N4 đang nhậu tại nhà Q1, thì Nguyễn Văn H10 điện thoại báo cho A1 biết H10 bị nhóm thanh niên ở N chém thương tích nặng, nhờ A1 ra giúp. A1 điện thoại cho Đặng Thiếu L nói cho L biết việc H10 bị chém nhưng L đã biết vì trước đó L nghe Lê Duy T15 gọi điện thoại thông báo. L bảo An ra trước ngõ nhà Q1 đứng chờ L đến đón rồi bảo Nguyễn Trọng L5 và Đoàn Quốc A3 và T15 (ở chung phòng trọ với L) đi cùng L ra N. L lấy xe ô tô hãng KIA Sedona 07 chỗ, màu trắng không xác định được biển kiểm soát (L nhờ anh Huỳnh Việt H13 thuê giúp từ trước để đi đám cưới) chở L5, A, T15 đến nhà Thủy Mạnh C2. L dừng xe ô tô, đi bộ vào nhà rủ C2 đi cùng, nhưng C2 không đi, vì có con nhỏ đang bị ốm. Khi vào nhà, L thấy trong phòng khách có cây kiểng N (dài khoảng 01 m) đang để trưng bày trên bàn, nên nói với C2 “Cho anh mượn đi công việc xíu” rồi lấy cây kiểng đi ra. Khi ra đến cổng, thấy 01 con rựa đang để cạnh tường (gần trụ cổng), L cầm luôn cây rựa này để trên xe ô tô. Lúc này, A1, Q1 và N4 cũng đi bộ ra gặp L rồi lên xe. L điều khiển xe ô tô chở L5, A, A1, Q1, N4 và T15 đến N tìm H10, nhưng không thấy. A1 điện thoại cho H10, thì Lê Ngọc T14 cảm máy nói “H10 bị chặt, đang cấp cứu tại Bệnh viện B2”, L liền điều khiển xe ô tô đến Bệnh viện. Trên đường đi, L điện thoại cho Phạm Kim T16, Lê Trí T4 nói cả hai đến Bệnh viện B2 xem H10 bị chém thế nào. Lúc này, Lê H1, Trần Viết S1 đang ở quán Karaoke “Quang V4” cùng với T16 biết việc H10 bị đánh, nên cùng đi với T16 đến Bệnh viện B2. Cùng lúc, Phạm Hữu N nhận được tin nhắn của Dương Đình K2 nói “Xuống đây, chuyện lớn rồi”. N hỏi chuyện gì, thì K2 nói “Tụi tao chặt thằng H10 rồi”. Do H10 là bạn, nên N điều khiển xe mô tô đi tìm H10.

Trong lúc Nguyễn Văn H10 gọi điện thoại cho nhiều người đến để giúp đỡ, thì bên nhóm Nguyễn Thế T8 cũng đi gọi thêm người. T9, T8, T14 nói với L7 “Tụi lúc này phóng chai là H10 ở Đ”. T9 nhờ L7 gọi thêm người vào để tìm H10 đánh trả thù. L7 gọi điện thoại cho Lê Đình D2 rủ đi cùng, D2 đồng ý và rủ thêm Nguyễn Văn Q. Khi đến nơi, L7 thấy có khoảng 15 người đang tập trung cùng D2 và Q. Do quen biết nhóm đưa xe, nên D2 nhờ các đối tượng này đi cùng để giúp L7. Sau đó, L7 đưa nhóm này đến chỗ T8, T9, T14 và K2 đang đứng trên đường bê tông (sau quán cà phê “Đêm”). Sau đó, cả nhóm hơn 20 người cầm rựa, tuýp sắt, mã tấu, đoạn cây gỗ, vỏ chai bia chạy xe mô tô đi từ N, huyện D ra xã Đ, thị xã Đ tìm nhóm H10 để đánh.

Trà Tấn N2 sau khi trốn trong quán “Rồng Vàng” được khoảng 10 phút, thì phát hiện nhóm của Nguyễn Thế T8 bỏ đi, nên N2 cầm theo cây xiên nướng thịt của quán đi bộ về cầu C Lâu cũ. Khi đến đầu cầu thì gặp một nhóm thanh niên khoảng trên 20 người đi xe mô tô cầm kiểng N, dao, rựa tự chế, dao đi tới. Nhóm này hỏi N2 “Mi phải băng Hiếu N8 không?”. N2 trả lời “Tao đi cho băng Hiếu N8”. Nhóm kia nói “Rứa vô chỗ cũ tìm đánh lại”, thì N2 đồng ý đi theo nhóm này. Khi đi tới khoảng giữa cầu thì có một người trong nhóm hỏi “Mi đi cho băng H10 Nguyễn phải không?”. N2 trả lời “Tao đi cho băng Hiếu N8”. Lúc này, có một thanh niên giơ kiểng N4 lên định chém N2 và nói “Đ.m mi đi cho băng H10 Nguyễn hả”, N2 dùng cặp xiên nướng thịt đỡ được và chạy vào hướng T. N2 chạy được khoảng 50 m thì bị 04 người trên tay cầm kiểng N4 đi trên 02 xe mô tô chạy đuổi theo định chém. N2 hoảng sợ nhảy xuống sông

T bơi về hướng đầu cầu rồi vào nhà dân ẩn nấp và mượn điện thoại gọi cho Đoàn Quang H14 nhờ H14 gọi cho A1 báo tin N2 bị đánh, đang đứng trên cầu C cũ. H14 điện cho A1 rồi gọi lại cho N2 nói lên cầu đứng chờ, nhóm của A1 gần đến rồi.

Khoảng 00 giờ ngày 04-11-2020, Đặng Thiệu L cùng đồng bọn đến Bệnh viện B2 thì xe cấp cứu chưa chở Nguyễn Văn H10 đến, nên tất cả đi ra trước cổng Bệnh viện đứng đợi. Khoảng 05 phút sau, nhóm T16, H1, N, S1 và T4 đến gặp nhóm L trước cổng Bệnh viện. Khoảng 01 phút sau, thì xe cứu thương chở H10 vào Bệnh viện. Cả nhóm cùng đi vào gặp H10, khi vào trong thấy H10 bị thương nặng, máu chảy nhiều, đang nằm bất tỉnh nên cả nhóm đi ra trước cửa phòng cấp cứu đứng tập trung bàn bạc, thống nhất việc đi tìm nhóm đã đánh H10 để đánh trả thù, nhưng L nói “Không có đủ hàng” (nghĩa là hung khí). T16 nói “Về quán Karaoke Quang V4 lấy thêm hàng”, L nói tất cả lên xe đi về quán lấy hàng. Trên xe lúc này có: L “Con”, T16 “Su”, Q1, N4, A1, L5 (K), Anh “Rì cầu năm”, riêng T15 ở lại Bệnh viện không đi cùng. Khi đến nơi, T16 đi vào trong quán Đ3 (gồm kiếm, dao) ra bỏ lên xe. H1 nhận một túi xách từ một người thanh niên (không rõ họ tên, địa chỉ, H1 khai do một người đàn ông tên “Thọ điền”, ở Đà Nẵng điện cho người thanh niên này đem túi xách đến) cho lên xe. H1 mở túi xách ra thì thấy có 01 khẩu súng (đã có đạn bên trong và trong trạng thái đã lên đạn) nên lấy ra cầm trên tay. Những người còn lại trên xe chia nhau, mỗi người cầm 01 loại hung khí: N cầm một cây dao “Mèo”, L5 cầm kiếm cùng ngồi ở ghế phụ, T4 cầm dao, S1 cầm dao, T16 cầm kiếm, Q1 cầm kiếm, N4 cầm kiếm cùng ngồi ở dãy ghế sau cùng, A cầm rựa, A1 cầm kiếm, ngồi ở khu vực giữa xe. L lái xe, nên không cầm hung khí gì.

Trà Tấn N2 lên cầu đứng thì xe ô tô do L điều khiển chạy tới. N2 lên xe, L hỏi N2 “Tụi bây bị ai đánh”, N2 trả lời “Bằng mô đánh anh T16 trước đó, bọn hấn mới chạy vào hướng N”. L chở cả nhóm đi vào lại N, huyện D. Trên xe, cả nhóm bàn bạc, thống nhất với nhau “Bây giờ, tụi mình đi mà gặp tụi nó đông người thì tông xe ô tô vô luôn, dùng súng bắn chứ không xuống xe”. Những người ngồi trên xe đồng ý và nói “Đánh chỗ mô thì về lại chỗ đó”, N2 nói “Bị đánh chỗ quán cà phê Đ2”, nên L lái xe chở cả nhóm đến quán cà phê Đ2 thuộc thị trấn N, huyện D.

Lúc này, nhóm của Nguyễn Thế T8 cũng đang đi tìm nhóm của Nguyễn Văn H10 để đánh lại. Trong đó, Nguyễn Văn N9 dùng xe mô tô chở Nguyễn Thế T1 và Nguyễn Minh S4 đi sau theo nhóm của T8 (khoảng 20 người). Khi đến đoạn cầu C cũ, do không theo kịp nhóm T8, nên N9 quay xe về lại hướng N thì gặp và chở thêm Trương Nguyễn Nam D5, cả 04 người cùng đi trên 01 xe mô tô. Khi N9 điều khiển xe đi từ cầu B đến ngã ba quán R, hướng Đà Nẵng - T (đi sát lề đường) thì bị nhóm của L phát hiện, L điều khiển xe đuổi theo. Đi được khoảng 300 m, khi xe của N9 đến trước quán R thì L điều khiển xe ô tô tông thẳng vào đuôi xe mô tô của N9 làm cả 04 người: N9, T1, S4 và D5 ngã xuống đường, cả bốn người vùng dậy bỏ chạy. S4, D5 bỏ chạy hướng ngược lại còn T1, N9 chạy rẽ vào đường bên hông quán R. Lúc này, H1 đứng trong xe, vị trí cửa sổ trời, phần thân trên và đầu chui qua cửa sổ trời, tay cầm súng nhắm vào T1 đang chạy bắn một phát từ phía sau trúng vào người T1, T1 trượt ngã, khụy xuống, nhưng gượng đứng dậy chạy tiếp. Cùng lúc đó, L5 mở cửa bên ghế phụ xuống trước, cầm kiếm chạy đuổi theo T1, N9 chém vào T1 01 nhát, N4 cầm kiếm, trèo lên cửa sổ trần của xe nhảy xuống đất đuổi đánh S4, D5. Anh cầm rựa chạy phía

sau L5 đuổi theo T1 và N9. L chạy theo sau Anh được khoảng 10 m thì dừng lại, N2 cầm 02 cây xiên thịt chạy sau L, sau đó dừng lại rồi chạy theo N. Tất cả những người còn lại cầm hung khí lần lượt xuống xe đuổi đánh. Sau đó, T16 gọi cả bọn lên xe rồi chạy ngược chiều ra hướng cầu B đón N4, N2, T4, A1 lên xe rồi khỏi hiện trường.

Tại Bản giám định thương tích số 404/GĐTT.20 ngày 09-11-2020, Trung tâm Pháp y tỉnh Q xác định tỷ lệ thương tích của Nguyễn Thế T1 là 63%, thương tích chi tiết như sau:

- Gò má trái có vết rách da nông đã đóng vảy dài 02 cm, rộng 0,3 cm; vết thương do vật tày tác động gây nên. Hướng từ trước ra sau, từ trái sang phải. Tỷ lệ thương tích 01%.

- Vùng bụng, dọc đường giữa trên dưới rốn có vết mổ đã khâu dài 19 cm, rộng 0,1 cm.

- Vùng lưng - Thắt lưng bên phải có vết mổ đã khâu da thừa dài 11 cm, rộng 0,2 cm (dọc hai bên mép vết mổ có nhiều lỗ thủng da, cơ hình gần tròn đường kính mỗi lỗ 0,5 cm. Vết thương do hỏa khí gây nên (lỗ vào của đầu đạn). Hướng chệch từ sau ra trước, từ phải sang trái, tầm ngang (tụ máu mạc treo đại tràng phải, thủng 04 lỗ thành hông tràng). Tỷ lệ thương tích 35%; thủng 01 lỗ thành đại tràng phải bờ mạc treo đã được phẫu thuật mở ổ bụng hút dịch máu ở rãnh đại tràng lên và len lõi giữa các quai ruột non khoảng 200 ml). Tỷ lệ thương tích 40%.

- Vùng bụng và hố chậu bên phải có hai vết mổ đang được đặt hai ống dẫn lưu bằng kín, ống dẫn lưu ra dịch màu đỏ sẫm.

- Mặt sau ngoài đoạn 1/3 giữa cẳng tay phải có vết xát da, rách da nông đã đóng vảy dài 04 cm, rộng 0,2 cm; vết thương do vật tày có cạnh tác động gây nên; hướng từ sau ra trước, chệch từ dưới lên trên. Tỷ lệ thương tích 01%.

- M2 bàn chân phải, dọc theo xương bàn ngón I có 03 vết xát da đã đóng vảy, vết phía trên dài 1,5 cm, rộng 0,5 cm; tỷ lệ thương tích 01%; vết giữa dài 1,5 cm, rộng 01 cm; tỷ lệ thương tích 01%; Trên nền đốt 2 ngón III có vết xát da đã đóng vảy dài 0,3 cm, rộng 0,2 cm; vết thương do vật tày tác động gây nên; hướng từ trên xuống dưới. Tỷ lệ thương tích 01%.

Tại Bản giám định thương tích số 405/G ĐTT.20 ngày 09-11-2020, Trung tâm P xếp tỷ lệ thương tích của Nguyễn Văn H10 là 24%, thương tích chi tiết như sau:

- Vùng trán trái, cách dưới đường chân tóc 0,8 cm có vết xát da hình vòng cung đã đóng vảy dài 2 cm, rộng 0,1 cm; vết thương do vật tày có cạnh tác động gây nên. Hướng từ trước ra sau, từ trên xuống dưới. Tỷ lệ thương tích 01%.

- Vùng trán trái, cách trên cung lông mày bên trái 01 có vết rách da hình vòng cung đã khâu 3 cm, rộng 0,2 cm; vết thương do vật sắc cạnh tác động gây nên; hướng từ trước ra sau, hơi chệch từ dưới lên trên, từ trái sang phải. Tỷ lệ thương tích 02%.

- Vùng trán phải, cách trên cung lông mày phải 1 cm có vết xát da đã đóng vảy dài 1,8 cm, rộng 0,1 cm; vết thương do vật tày có cạnh tác động gây nên; hướng từ trước ra sau. Tỷ lệ thương tích 01%.

- Trước, trong vai phải có vết xát da đã đóng vảy dài 1,5 cm, rộng 0,5 cm; vết thương do vật tày tác động gây nên; hướng từ trước ra sau, từ trên xuống dưới. Tỷ lệ thương tích 01%.

- Dọc theo rãnh Delta ngực bên phải có vết rách da cơ và vết mổ hình vòng cung đã khâu dài 14 cm, rộng 0,1 cm; bàn tay phải ấm, hồng; vết thương do vật sắc cạnh tác động gây nên; hướng từ trước ra sau, từ trên xuống dưới, từ phải sang trái. Tỷ lệ thương tích 06%.

- Vùng ngực, tương ứng cung trước bên khoang gian sườn III, IV, cách trước dưới hõm nách phải 2 cm có vết rách da đã khâu dài 2 cm, rộng 0,1 cm; vết thương do vật sắc cạnh tác động gây nên; hướng từ trước ra sau. Tỷ lệ thương tích 01%.

- Vùng lưng - Ngực bên phải có vết rách da và cơ không liên tục hình vòng cung đã khâu dài 13cm, rộng 0,1cm; vết thương do vật sắc cạnh tác động gây nên; hướng từ trước ra sau, chệch từ trên xuống dưới. Tỷ lệ thương tích 03%.

- Trước trong vai trái có vết rách da đã khâu dài 1,5 cm, rộng 0,2 cm; vết thương do vật sắc cạnh tác động gây nên; hướng từ trước ra sau (gãy đoạn 1/3 giữa xương đòn trái có mảnh rời); vận động xoay, dạng khớp vai trái hạn chế. Tỷ lệ thương tích 10%.

- Mặt sau ngoài đoạn 1/3 dưới cẳng tay phải có vết rách da đã khâu dài 3,2 cm, rộng 0,2 cm; vết thương do vật sắc cạnh tác động gây nên; hướng từ sau ra trước. Tỷ lệ thương tích 02%.

Tại Bản giám định thương tích số 129/GĐTT.21 ngày 06-4-2021, Trung tâm P xếp tỷ lệ thương tích của Võ Thành T9 là 04%, thương tích chi tiết như sau:

- Vùng đỉnh thái dương bên trái có vết rách dập da không liên tục đã lành sẹo dài 4 cm, chỗ rộng nhất 2 cm; vết thương do vật tày có cạnh diện giới hạn tác động gây nên; hướng từ sau ra trước, từ trên xuống dưới, từ trái sang phải, sờ nắn tổ chức dưới da vùng vết thương chắc. Bệnh nhân tỉnh, tiếp xúc được nhưng còn đau đầu; tay, chân vận động gấp, duỗi và đi lại được bình thường.

Tại Bản giám định thương tích số 130/GĐTT.21 ngày 06-4-2021, Trung tâm P xếp tỷ lệ thương tích của Nguyễn Thế T8 là 01%, thương tích chi tiết như sau.

- Dấu sưng nề vùng chẩm bên phải đã lành; vùng chẩm bên phải có vết rách da đã lành sẹo dài 1,8 cm, rộng 0,5 cm; vết thương do vật tày có cạnh tác động gây nên; hướng từ sau ra trước, từ dưới lên trên. Bệnh nhân tỉnh, tiếp xúc được; tay, chân vận động gấp, duỗi và đi lại được bình thường.

Tại Bản Kết luận giám định Pháp y tâm thần số 440/KLGD ngày 24-5-2021, Trung tâm P4 kết luận tình trạng sức khỏe tâm thần của Phạm Kim T16:

- Trước thời điểm gây án: Về y học: rối loạn hoang tưởng thực tồn giống tâm thần phân liệt (F06.2); về khả năng nhận thức và điều khiển hành vi: hạn chế khả năng nhận thức và khả năng điều khiển hành vi.

- Tại thời điểm gây án: Về y học: trạng thái loạn thần cấp do ảo giác chi phối của rối loạn hoang tưởng thực tồn giống tâm thần phân liệt (F06.2); về khả năng nhận thức và điều khiển hành vi: mất khả năng nhận thức và khả năng điều khiển hành vi.

- Thời điểm hiện tại: Về y học: rối loạn hoang tưởng thực tổn giống tâm thần phân liệt (F06.2); về khả năng nhận thức và điều khiển hành vi: hạn chế khả năng nhận thức và khả năng điều khiển hành vi.

Đối tượng cần điều trị bắt buộc hoặc điều trị nội trú tại cơ sở chuyên khoa tâm thần.

Tại Bản Kết luận giám định Pháp y tâm thần số 574/KL-VPYTW ngày 17-11-2021, Viện Pháp y tâm thần Trung ương B3, kết luận tình trạng sức khỏe tâm thần của Phạm Kim T16, cụ thể:

- Về y học: Trước, trong, sau khi gây án và hiện nay: đương sự bị rối loạn hoang tưởng thực tổn giống tâm thần phân liệt (F06.2- ICD.10);

- Về khả năng nhận thức và điều khiển hành vi: Tại thời điểm gây án và hiện nay: đương sự gây án trong giai đoạn bệnh đang tiến triển, mất khả năng nhận thức và điều khiển hành vi.

Tại Văn bản số 176/CV-HĐ ngày 22-01-2021, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự tỉnh Quảng Nam kết luận:

Giá trị tài sản bị thiệt hại đối với xe mô tô BKS 92H1-305.30 là **2.290.000** đồng; giá trị tài sản bị thiệt hại đối với xe mô tô BKS 92F1-183.70 là **5.590.000** đồng.

Tại Kết luận giám định số 227/C09C-Đ1 ngày 05-3-2021, Phân viện Khoa học hình sự tại thành phố Đà Nẵng kết luận:

Khẩu súng (ký hiệu mẫu M1) gửi giám định là súng tự chế, hiện tại thiếu bộ phận nòng súng nên không sử dụng bắn được và không phải là vũ khí. Không phát hiện thấy ký tự đóng chìm trên súng; 04 (bốn) mảnh kim loại (ký hiệu mẫu M2) gửi giám định dùng làm đạn được cho các loại súng kíp hoặc dùng làm hạt đạn cho loại đạn ghém (hay còn gọi là đạn ria, đạn hoa cải...); các loại đạn trên không thuộc vũ khí quân dụng. Hiện tại khẩu súng trên không bắn được nên không có cơ sở xác định 04 mảnh kim loại gửi giám định có phải do khẩu súng trên bắn ra hay không.

Về trách nhiệm dân sự:

- Bị hại Nguyễn Thế T1 đã nhận tiền bồi thường 70.000.000 đồng từ các bị cáo trong vụ án “Giết người”, không yêu cầu bồi thường gì thêm và có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

- Bị hại Nguyễn Văn H10 đã nhận của bị cáo Nguyễn Thế T8 và Nguyễn Thế V1 mỗi người số tiền 10.000.000 đồng bồi thường thiệt hại và có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo T8 và V1.

- Anh Nguyễn Quốc V3 là chủ sở hữu xe mô tô, biển kiểm soát 92H1-305.30; anh Nguyễn Văn T17 là chủ sở hữu xe mô tô, biển kiểm soát 92F1-183.70 không yêu cầu bồi thường thiệt hại do xe bị hư hỏng.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 50/2023/HS-ST ngày 23-6-2023, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam:

1. Áp dụng các điểm l, o, n khoản 1 Điều 123; khoản 1 Điều 178; các điểm b, s khoản 1 (đối với tội “Giết người”), các điểm h, s khoản 1 (đối với tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản”, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 15; Điều 55 và khoản 3 Điều 57 của Bộ luật Hình sự, xử phạt:

- Đặng Thiệu L 11 (**mười một**) năm tù về tội “Giết người” và 06 (**sáu**) tháng tù về tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản”; tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành chung cả hai tội là 11 (**mười một**) năm 06 (**sáu**) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 13-4-2021.

2. Áp dụng các điểm l, o, n khoản 1 Điều 123; khoản 1 Điều 178; các điểm b, s khoản 1 (đối với tội “Giết người”), các điểm h, s khoản 1 (đối với tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản”, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 15; Điều 55 và khoản 3 Điều 57 của Bộ luật Hình sự; xử phạt:

- Lê Hoàng 10 (**mười**) năm 06 (**sáu**) tháng tù về tội “Giết người” và 03 (**ba**) tháng tù về tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản”; tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành chung cả hai tội là 10 (**mười**) năm 09 (**chín**) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 29-12-2020.

3. Áp dụng điểm l, o, n khoản 1 Điều 123; khoản 1 Điều 178; các điểm b, s khoản 1 (đối với tội “Giết người”), các điểm h, s khoản 1 (đối với tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản”, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 54; Điều 15, Điều 55 và khoản 3 Điều 57 của Bộ luật Hình sự, xử phạt:

- Nguyễn Văn Q1 10 (**mười**) năm tù về tội “Giết người” và 06 (**sáu**) tháng tù về tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản”; tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành chung cả hai tội là 10 (**mười**) năm 06 (**sáu**) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 15-12-2020.

4. Áp dụng các điểm l, o, n khoản 1 Điều 123; khoản 1 Điều 178; các điểm b, s khoản 1 (đối với tội “Giết người”), các điểm h, s khoản 1 (đối với tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản”, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 15; Điều 55 và khoản 3 Điều 57 của Bộ luật Hình sự, xử phạt:

- Nguyễn Ngọc A1 09 (**chín**) năm tù về tội “Giết người” và 03 (**ba**) tháng tù về tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản”; tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành chung cả hai tội là 09 (**chín**) năm 03 (**ba**) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 22-12-2020.

5. Áp dụng điểm l, o, n khoản 1 Điều 123; khoản 1 Điều 178; các điểm b, s khoản 1 (đối với tội “Giết người”), các điểm h, s khoản 1 (đối với tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản”, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 15; Điều 55 và khoản 3 Điều 57 của Bộ luật Hình sự, xử phạt:

- Lê Trí T4 08 (**tám**) năm tù về tội “Giết người” và 03 (**ba**) tháng tù về tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản”; tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành chung cả hai tội là 08 (**tám**) năm 03 (**ba**) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 07-12-2020.

6. Áp dụng điểm l, o, n khoản 1 Điều 123; khoản 1 Điều 178; các điểm b, s khoản 1 (đối với tội “Giết người”), các điểm h, s khoản 1 (đối với tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản”, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 15; Điều 55 và khoản 3 Điều 57 của Bộ luật Hình sự, xử phạt:

- Phạm Hữu N 08 (**tám**) năm tù về tội “Giết người” và 03 (**ba**) tháng tù về tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản”; tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành chung cả hai tội là 08 (**tám**) năm 03 (**ba**) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 07-12-2020.

7. Áp dụng các điểm l, o, n khoản 1 Điều 123; khoản 1 Điều 178; các điểm b, s khoản 1 (đối với tội “Giết người”), các điểm h, s khoản 1 (đối với tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản”, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 15; Điều 55; khoản 3 Điều 57; các Điều 90, 91, 101 và 102 của Bộ luật Hình sự, xử phạt:

- Nguyễn Trọng L5 07 (**bảy**) năm 06 (**sáu**) tháng tù về tội “Giết người” và 03 (**ba**) tháng tù về tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản”; tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành chung cả hai tội là 07 (**bảy**) năm 09 (**chín**) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 02-10-2021.

8. Áp dụng các điểm l, o, n khoản 1 Điều 123; khoản 1 Điều 178; các điểm b, s khoản 1 (đối với tội “Giết người”), các điểm h, s khoản 1 (đối với tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản”, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 15; Điều 55; khoản 3 Điều 57; các Điều 90, 91, 101 và 102 của Bộ luật Hình sự, xử phạt:

- Võ Như N4 07 (**bảy**) năm tù về tội “Giết người” và 03 (**ba**) tháng tù về tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản”; tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành chung cả hai tội là 07 (**bảy**) năm 03 (**ba**) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 11-02-2023 (được trừ thời gian bị tạm giam từ ngày 15-12-2020 đến ngày 10-8-2021).

9. Áp dụng các điểm l, o, n khoản 1 Điều 123; khoản 1 Điều 178; các điểm b, s khoản 1 (đối với tội “Giết người”), các điểm h, s khoản 1 (đối với tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản”, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 15; Điều 55 và khoản 3 Điều 57 của Bộ luật Hình sự, xử phạt:

- Trần Viết S1 08 (**tám**) năm 09 (**chín**) tháng tù về tội “Giết người” và 03 (**ba**) tháng tù về tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản”; tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành chung cả hai tội là 09 (**chín**) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 30-10-2021.

10. Áp dụng các điểm l, o, n khoản 1 Điều 123; khoản 1 Điều 178; điểm b khoản 2 Điều 318; các điểm b, s khoản 1 (đối với tội “Giết người”), các điểm h, s khoản 1 (đối với tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản”, điểm s khoản 1 (đối với tội “Gây rối trật tự công cộng”), khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 15; Điều 55 và khoản 3 Điều 57 của Bộ luật Hình sự, xử phạt:

- T (**chín**) năm tù về tội “Giết người”, 03 (**ba**) tháng tù về tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản” và 02 (**hai**) năm tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”; tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành chung cả ba tội là 11 (**mười một**) năm 03 (**ba**) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 07-12-2020.

11. Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; khoản 1 Điều 178; điểm b khoản 2 Điều 318; các điểm b, s, e khoản 1 (đối với tội “Cố ý gây thương tích”); các điểm h, s khoản 1 (đối với tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản”); điểm s khoản 1 Điều 51 (đối với tội “Gây rối trật tự công cộng”), khoản 2 Điều 51 và Điều 55 của Bộ luật Hình sự, xử phạt:

- Nguyễn Thế T8 02 (**hai**) năm tù về tội “Cố ý gây thương tích”, 06 (**sáu**) tháng tù về tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản” và 02 (**hai**) năm tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”; tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành chung cả ba tội là 04 (**bốn**) năm 06 (**sáu**) tháng tù.

Áp dụng Điều 56 của Bộ luật Hình sự, tổng hợp với hình phạt 03 (**ba**) năm 06 (**sáu**) tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích” tại Bản án hình sự sơ thẩm số 34/2022/HSST ngày 15-9-2022 của Toà án nhân dân huyện Tiên Phước; buộc bị cáo Nguyễn Thế T8 phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 08 (**tám**) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 26-11-2021 (được trừ thời gian tạm giam từ ngày 02-02-2021 đến ngày 01-7-2021).

12. Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 của Bộ luật Hình sự, xử phạt:

- Nguyễn Thế V1 01 (**một**) năm 09 (**chín**) tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 31-10-2021.

13. Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b khoản 2 Điều 318; các điểm b, s, e khoản 1 Điều 51 (đối với tội “Cố ý gây thương tích”), điểm s khoản 1 Điều 51 (đối với tội “Gây rối trật tự công cộng”); Điều 54 và Điều 55 của Bộ luật Hình sự, xử phạt:

- Võ Thành T9 15 (**mười lăm**) tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích” và 18 (mười tám) tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”; tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành chung cả hai tội là 02 (**hai**) năm 09 (**chín**) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 26-11-2021 (được trừ thời gian bị tạm giam từ ngày 02-02-2021 đến ngày 01-7-2021).

14. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt:

- Nguyễn Thế T1 02 (**hai**) năm tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 07-4-2023.

15. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt:

- Nguyễn Văn Q 02 (**hai**) năm tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 07-4-2023.

16. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; các Điều 90, 91 và 101 của Bộ luật Hình sự, xử phạt:

- Lê Đình D2 09 (**chín**) tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 07-4-2023.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về tội danh, hình phạt đối với các bị cáo Trần Quang L7, Nguyễn Văn H10, Trương Phú H11 và Dương Đình K2; quyết định trách nhiệm dân sự; quyết định xử lý vật chứng; quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Kháng cáo:

- Ngày 25-6-2023, Đặng Thiệu L kháng cáo xin giảm hình phạt.

- Ngày 27-6-2023, Nguyễn Văn Q kháng cáo xin giảm hình phạt.
- Ngày 03-7-2023, Lê Đình D2 kháng cáo xin giảm hình phạt.
- Ngày 04-7-2023, Lê H1, Phạm Hữu N và Trần Viết S1 kháng cáo xin giảm hình phạt.
- Ngày 05-7-2023, Nguyễn Thế T1 kháng cáo xin giảm hình phạt.

Kháng nghị:

Tại Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 18/QĐ-VKSQN ngày 06-7-2023, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam đề nghị Toà án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm, sửa một phần bản án hình sự sơ thẩm theo hướng:

- Không áp dụng Điều 54 của Bộ luật Hình sự và tăng hình phạt đối với các bị cáo: Đặng Thiếu L, Lê H1, Phạm Hữu N, Nguyễn Ngọc A1, Lê Trí T4, Nguyễn Trọng L5, Trần Viết S1, Võ Như N4, Nguyễn Văn Q1 và Trà Tấn N2 về tội “Giết người” và tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản”.

- Tăng hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Thế T8 về tội “Cố ý gây thương tích” và tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản”.

- Không áp dụng Điều 54 của Bộ luật Hình sự và tăng hình phạt đối với bị cáo Võ Thành T9 và Nguyễn Thế V1 về tội “Cố ý gây thương tích”.

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Sau khi xét xử sơ thẩm, các bị cáo Đặng Thiếu L, Lê H1, Phạm Hữu N, Trần Viết S1, Nguyễn Thế T1, Nguyễn Văn Q và Lê Đình D2 kháng cáo xin giảm hình phạt; Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam kháng nghị bản án. Đơn kháng cáo của các bị cáo và Quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát là trong thời hạn quy định tại khoản 1 Điều 333 và khoản 1 Điều 337 của Bộ luật Tố tụng hình sự, do đó Hội đồng xét xử quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo: Đặng Thiếu L, Lê H1, Phạm Hữu N, Trần Viết S1 và Nguyễn Văn Q giữ nguyên kháng cáo, đều xin giảm hình phạt; các bị cáo Nguyễn Thế T1 và Lê Đình D2 rút kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng căn cứ Điều 342 của Bộ luật Tố tụng hình sự: (1) Rút một phần kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam đối với các bị cáo: Đặng Thiếu L, Lê H1, Nguyễn Văn Q1, Nguyễn Ngọc A1, Nguyễn Trọng L5, Trần Viết S1, Võ Như N4, Phạm Hữu N, Trà Tấn N2, Lê Trí T4 và Nguyễn Thế T8 về tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản”, (2) Rút một phần kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam đối với các bị cáo: Nguyễn Thế T8, Võ Thành T9 và Nguyễn Thế V1 về tội “Cố ý gây thương tích” và (3) Rút một phần kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam đối với các bị cáo: Võ Như N4 và Nguyễn Trọng L5 về tội “Giết người”.

Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ các khoản 1, 2 Điều 348, các điểm a, b khoản 1 Điều 355, Điều 356, điểm a khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với bị cáo Nguyễn Thế T1 và Lê Đình D2.
- Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với các bị cáo: Đặng Thiệu L, Lê H1, Nguyễn Ngọc A1, Nguyễn Trọng L5, Trần Viết S1, Võ Như N4, Nguyễn Văn Q1, Phạm Hữu N, Trà Tấn N2, Lê Trí T4 và Nguyễn Thế T8 về tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản”.
- Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với các bị cáo: Nguyễn Thế T8, Võ Thành T9 và Nguyễn Thế V1 về tội “Cố ý gây thương tích”.
- Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với các bị cáo: Võ Như N4 và Nguyễn Trọng L5 về tội “Giết người”.
- Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Đặng Thiệu L, Lê H1, Phạm Hữu N, Trần Viết S1 và Nguyễn Văn Q.
- Chấp nhận một phần kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam về tội “Giết người” đối với các bị cáo: Đặng Thiệu L, Lê H1, Nguyễn Văn Q1, Nguyễn Ngọc A1, Trà Tấn N2, Trần Viết S1, Phạm Hữu N và Lê Trí T4.
- Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 50/2023/HS-ST ngày 23-6-2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam theo hướng không áp dụng Điều 54 của Bộ luật Hình sự và tăng hình phạt đối với các bị cáo: Đặng Thiệu L, Lê H1, Nguyễn Văn Q1, Nguyễn Ngọc A1, Trà Tấn N2, Trần Viết S1, Phạm Hữu N và Lê Trí T4 về tội “Giết người”.

Tại phần tranh luận, Luật sư bào chữa và các bị cáo được tranh tụng công khai; nói lời sau cùng các bị cáo thể hiện sự ăn năn, hối cải về hành vi phạm tội của mình và đề nghị được giảm hình phạt.

[2]. Xét kháng cáo của các bị cáo:

[2.1]. Về tội danh:

[2.1.1]. Đối với các bị cáo Nguyễn Thế T8, Nguyễn Thế V1 và Võ Thành T9:

Do có mâu thuẫn từ trước đó, nên khoảng 23 giờ 30 phút ngày 03-11-2020, Nguyễn Thế T8 và Nguyễn Văn H10 thách thức nhau trên mạng xã hội facebook. Sau đó, tại quán cà phê “Đêm” ở khối phố L, thị trấn N, huyện D, tỉnh Quảng Nam, Nguyễn Văn H10 và Trà Tấn N10 mang theo két vỏ chai bia bằng thủy tinh đi tìm và khi gặp nhóm của Nguyễn Thế T8, thì H10 và N10 ném vỏ chai bia làm cho T8, Võ Thành T9 và Nguyễn Thế T1 bị thương tích. Ngay sau đó, T8 nhờ Nguyễn Thế V1 đến đánh lại nhóm của H10. Tại đây, V1 dùng 01 con rựa (trong cốp xe của V1) chém một nhát vào người H10, nhưng do nhận ra H10 là người quen, nên V1 dừng lại không chém nữa. Cùng lúc này, T8 chạy đến lấy con rựa còn lại từ trong cốp xe của V1 đến đứng đối diện chém liên tiếp 3 - 4 nhát vào hai vai của H10, còn T9 cầm hai vỏ chai bia Huda đập vào đầu của H10 gây thương tích cho H10 24%.

Hành vi và hậu quả nêu trên của các bị cáo Nguyễn Thế T8, Nguyễn Thế V1 và Võ Thành T9 đủ yếu tố cấu thành tội “Cố ý gây thương tích” được quy định tại điểm d khoản 2 Điều 134 của Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, Nguyễn Thế T8 còn dùng rựa chặt vào đầu xe máy hiệu Yamaha, loại Exiter BKS 92H1-305.30 (xe của anh Nguyễn Quốc V3), làm xe bị hư hỏng, trị giá thiệt hại là **2.290.000** đồng, nên đủ yếu tố cấu thành tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản” được quy định tại khoản 1 Điều 178 của Bộ luật Hình sự. Vì vậy, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam kết án các bị cáo Nguyễn Thế T8,

Nguyễn Thế V1 và Võ Thành T9 về tội “Cố ý gây thương tích”; kết án Nguyễn Thế T8 thêm tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản” là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2.1.2]. Đối với các bị cáo Đặng Thiệu L, Lê H1, Nguyễn Văn Q1, Nguyễn Ngọc A1, Trà Tấn N2, Trần Viết S1, Phạm Hữu N, Lê Trí T4, Nguyễn Trọng L5 và Võ Như N4:

Mặc dù, giữa bị hại Nguyễn Thế T1 và các bị cáo không có mâu thuẫn, nhưng chỉ vì biết được thông tin Nguyễn Văn H10 bị nhóm thanh niên ở huyện D chém thương tích, nên sau khi bàn bạc, thống nhất và chuẩn bị hung khí, khoảng 00 giờ 50 phút ngày 04-11-2020, Đặng Thiệu L điều khiển xe ô tô chở Lê H1, Nguyễn Văn Q1, Nguyễn Ngọc A1, Võ Như N4, Nguyễn Trọng L5, Lê Trí T4, Trần Viết S1, Phạm Hữu N và Trà Tấn N2 đi tìm nhóm người đã đánh H10 để đánh trả thù. Khi phát hiện thấy nhóm người đánh H10, L điều khiển xe ô tô tông vào xe máy BKS 92F1- 183.70 (của anh Nguyễn Văn T17) do anh Nguyễn Văn N9 chở Nguyễn Thế T1, Nguyễn Minh S4 và Trương Nguyễn Nam D5 làm cho xe bị đổ và bị hư hỏng, gây thiệt hại **5.590.000** đồng. Tiếp đó, Lê H1 dùng súng bắn một phát từ phía sau trúng vào người T1, L5 cầm K4 chạy đuổi theo chém T1 01 nhát. Tất cả những người còn lại cầm hung khí lần lượt xuống xe đuổi đánh; hậu quả, Nguyễn Thế T1 bị thương tích với tỷ lệ tổn thương cơ thể là **63%**.

Hành vi cùng tiếp nhận ý chí, bàn bạc thống nhất cách thức thực hiện tội phạm, chuẩn bị phương tiện là ô tô chở đi và dùng ô tô tông, dùng súng bắn (đều là phương pháp có khả năng dẫn đến làm chết nhiều người) của Đặng Thiệu L và đồng phạm là cố ý xâm phạm đến tính mạng của bị hại Nguyễn Thế T1 và tài sản là xe mô tô của anh Nguyễn Văn T17; hành vi của người này hỗ trợ cho người kia, nên các bị cáo cùng phải chịu trách nhiệm hình sự về hậu quả gây ra; việc Nguyễn Thế T1 không chết là do được cấp cứu kịp thời và nằm ngoài ý thức chủ quan của các bị cáo. Do đó, hành vi phạm tội của các bị cáo Đặng Thiệu L, Lê H1, Nguyễn Văn Q1, Nguyễn Ngọc A1, Trà Tấn N2, Trần Viết S1, Phạm Hữu N, Lê Trí T4, Nguyễn Trọng L5 và Võ Như N4 đã có đủ yếu tố cấu thành tội “Giết người” với tình tiết định khung “Bằng phương pháp có khả năng chết nhiều người”, “Có tính chất côn đồ” và “Có tổ chức” được quy định tại các điểm l, n, o khoản 1 Điều 123 của Bộ luật Hình sự và tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản” được quy định tại khoản 1 Điều 178 của Bộ luật Hình sự. Vì vậy, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam kết án các bị cáo về hai tội danh này là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2.1.3]. Đối với các bị cáo Nguyễn Văn H10, Nguyễn Thế T8, Trà Tấn N2, Nguyễn Thế T1, Nguyễn Văn Q, Trần Quang L7, Võ Thành T9, Dương Đình K2, Trương Phú H11 và Lê Đình D2:

Để giải quyết mâu thuẫn, các bị cáo Nguyễn Văn H10, Trà Tấn N2 mang theo két vỏ chai bia đi tìm gặp và sử dụng vỏ chai bia thủy tinh ném vào nhóm của bị cáo Nguyễn Thế T8 tại quán C3. Tiếp sau đó, các bị cáo Nguyễn Thế T8, Nguyễn Văn Q, Trần Quang L7, Võ Thành T9, Dương Đình K2, Trương Phú H11 và Lê Đình D2 và nhóm thanh niên khoảng 20 người (không xác định được nhân thân, lai lịch) tụ tập trước quán Cà phê Đ2, cầm theo hung khí (rựa, tiếp sắt, mã tấu, đoạn cây gỗ, vỏ chai thủy tinh...) đi xe máy thành nhiều hàng, rú ga, nẹt pô, la ré gây náo loạn trên QL1A đoạn từ thị trấn N, huyện D đến xã Đ, thị xã Đ và ngược lại (khoảng 04 km đến 05

km). Do đó, hành vi của các bị cáo Nguyễn Văn H10, Nguyễn Thế T8, Trà Tấn N2, Nguyễn Thế T1, Nguyễn Văn Q, Trần Quang L7, Võ Thành T9, Dương Đình K2, Trương Phú H11 và Lê Đình D2 đã đủ yếu tố cấu thành tội “Gây rối trật tự công cộng” được quy định tại điểm b khoản 2 Điều 318 của Bộ luật Hình sự. Vì vậy, Toà án nhân dân tỉnh Quảng Nam kết án các bị cáo về tội danh này là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2.2]. Về hình phạt (đối với các bị cáo kháng cáo):

Tính mạng, sức khoẻ, tài sản của công dân được pháp luật tôn trọng và bảo vệ; trật tự công cộng của xã hội buộc mọi công dân phải nghiêm chỉnh chấp hành. Các bị cáo Đặng Thiệu L, Lê H1, Trần Viết S1, Phạm Hữu N và Nguyễn Văn Q đều có đủ năng lực hành vi dân sự, nhận thức và đánh giá được việc làm của mình, nhưng để giải quyết mâu thuẫn cá nhân, các bị cáo đã bất chấp pháp luật, coi thường tính mạng, sức khoẻ và tài sản của người khác; tụ tập, lôi kéo nhiều người tham gia, ở nhiều địa điểm khác nhau. Hành vi của các bị cáo thể hiện tính côn đồ và có tổ chức (đối với các bị cáo phạm tội “Giết người”). Các bị cáo Đặng Thiệu L, Lê H1, Trần Viết S1 và Phạm Hữu N phạm tội thuộc trường hợp đặc biệt nghiêm trọng; bị cáo Nguyễn Văn Q phạm tội thuộc trường hợp nghiêm trọng. Do đó, để giáo dục, cải tạo đối với các bị cáo, cũng như ngăn chặn và phòng ngừa chung đối với loại tội phạm này, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

Đối với Nguyễn Thế T1 và Lê Đình D2: Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo rút kháng cáo. Xét thấy việc rút kháng cáo của bị cáo là tự nguyện, nên Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ Điều 348 của Bộ luật Tố tụng hình sự, đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bị cáo.

[3]. Đối với kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam:

[3.1]. Đối với tội “Giết người”:

Mặc dù, không có mâu thuẫn với bị hại Nguyễn Thế T1, nhưng sau khi biết được thông tin Nguyễn Văn H10 bị nhóm thanh niên ở huyện D chém thương tích, Đặng Thiệu L đã điều khiển xe ô tô chở Lê H1, Nguyễn Văn Q1, Nguyễn Ngọc A1, Trà Tấn N2, Trần Viết S1, Phạm Hữu N, Lê Trí T4, Nguyễn Trọng L5 và Võ Như N4 đi tìm nhóm người đánh H10 để đánh trả thù. Mỗi người ngồi trên xe chia nhau cầm 01 loại hung khí: H1 cầm súng, N cầm một cây dao “Mèo”, L5 cầm kiếm cùng ngồi ở ghế phụ, T4 và S1 đều cầm dao, T16, N4 và Q1 đều cầm kiếm cầm kiếm ngồi ở dãy ghế sau cùng, A cầm rựa, A1 cầm kiếm, ngồi ở khu vực giữa xe, riêng L lái xe nên không cầm hung khí gì. Khi phát hiện thấy nhóm người đánh H10, L điều khiển xe ô tô tông vào xe mô tô (của anh Nguyễn Văn T17) do anh Nguyễn Văn N9 chở Nguyễn Thế T1, Nguyễn Minh S4 và Trương Nguyễn Nam D5 làm cho xe bị đổ và bị hư hỏng. Tiếp đó, Lê H1 dùng súng bắn một phát từ phía sau trúng vào người Nguyễn Thế T1, L5 cầm kiếm chạy đuổi theo chém Nguyễn Thế T1 01 nhát vào lưng. Tất cả những người còn lại cầm hung khí lần lượt xuống xe đuổi đánh, hậu quả làm cho Nguyễn Thế T1 bị thương tích; gây án xong các đối tượng lên xe ô tô rồi Đặng Thiệu L điều khiển xe chở cả nhóm rời khỏi hiện trường.

Tính mạng của công dân được pháp luật tôn trọng và bảo vệ. Các bị cáo có đủ nhận thức để phân biệt được việc làm của mình, nhưng để giải quyết mâu thuẫn cá nhân, các

bị cáo sẵn sàng sử dụng hung khí nguy hiểm (cả súng tự chế) thực hiện hành vi phạm tội. Hành vi phạm tội của các bị cáo thuộc trường hợp đặc biệt nghiêm trọng, thể hiện tính côn đồ, hung hãn và coi thường pháp luật. Đối với nhóm bị cáo bị kết án về tội “Giết người”, thì Đặng Thiệu L là người khởi xướng, trực tiếp điều khiển xe ô tô chở đồng phạm đem theo hung khí và khi gặp nhóm của bị hại, L điều khiển xe ô tô tông thẳng vào xe mô tô của bị hại làm cho các bị hại bị thương tích. Tiếp đó, khi Nguyễn Thế T1 bỏ chạy, Lê H1 đã dùng súng nhằm bắn thẳng vào sau lưng, hậu quả, Nguyễn Thế T1 không chết, mà chỉ bị thương tích với tỷ lệ tổn thương cơ thể 63% là do được cấp cứu kịp thời và ngoài ý thức chủ quan của các bị cáo. Vì vậy, hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng đối với hai bị cáo này chưa nghiêm, do đó để cải tạo, giáo dục các bị cáo cũng như ngăn chặn và phòng ngừa chung đối với loại tội phạm này, Hội đồng xét xử phúc thẩm sẽ tăng hình phạt đối với các bị cáo Đặng Thiệu L và Lê H1. Các bị cáo Nguyễn Văn Q1, Nguyễn Ngọc A1, Trà Tấn N2, Trần Viết S1, Phạm Hữu N và Lê Trí T4 thực hiện hành vi phạm tội rất tích cực, nhưng không trực tiếp bắn bị hại, nên để thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật đối với người phạm tội thành khẩn khai báo, biết ăn năn hối cải, Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng với các bị cáo này.

Đối với các bị cáo Nguyễn Trọng L5 và Võ Như N4: Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng rút kháng nghị tăng hình phạt, do đó Hội đồng xét xử phúc thẩm sẽ căn cứ Điều 348 của Bộ luật Tố tụng hình sự, đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng nghị về hình phạt đối với hai bị cáo này.

[3.2]. Đối với tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản” và tội “Cố ý gây thương tích”:

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng rút một phần kháng nghị tăng hình phạt đối với các bị cáo: Đặng Thiệu L, Lê H1, Nguyễn Ngọc A1, Nguyễn Trọng L5, Trần Viết S1, Võ Như N4, Nguyễn Văn Q1, Phạm Hữu N, Trà Tấn N2, Lê Trí T4 và Nguyễn Thế T8 về tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản” và rút kháng nghị đối với các bị cáo Nguyễn Thế T8, Võ Thành T9 và Nguyễn Thế V1 về tội “Cố ý gây thương tích”. Do đó, căn cứ Điều 348 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử phúc thẩm đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với các bị cáo về hai tội danh này.

Như vậy, kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam đã được Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét, nhưng chỉ có cơ sở để chấp nhận một phần.

[3]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị, Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét.

[4]. Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận, nên các bị cáo kháng cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lý trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ Điều 348 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

1.1. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Thế T1 và Lê Đình D2; hình phạt đối với các bị cáo tại Bản án hình sự sơ thẩm số 50/2023/HS-ST ngày 23-6-2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam có hiệu lực thi hành.

1.2. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam đối với các bị cáo: Nguyễn Thế T8, Võ Thành T9 và Nguyễn Thế V1 về tội “Cố ý gây thương tích”; hình phạt đối với các bị cáo tại Bản án hình sự sơ thẩm số 50/2023/HS-ST ngày 23-6-2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam có hiệu lực thi hành.

1.3. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam đối với các bị cáo: Nguyễn Trọng L5 và Võ Như N4 về tội “Giết người” và tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản”; hình phạt đối với các bị cáo tại Bản án hình sự sơ thẩm số 50/2023/HS-ST ngày 23-6-2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam có hiệu lực thi hành.

1.4. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam đối với các bị cáo: Đặng Thiệu L, Lê H1, Nguyễn Văn Q1, Nguyễn Ngọc A1, Trần Viết S1, Phạm Hữu N, Trà Tấn N2, Lê Trí T4 và Nguyễn Thế T8 về tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản”.

2. Căn cứ các điểm a, b khoản 1 Điều 355, Điều 356 và khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

2.1. Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Đặng Thiệu L, Lê H1, Phạm Hữu N, Trần Viết S1 và Nguyễn Văn Q.

2.2. Chấp nhận một phần Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 18/QĐ-VKSQN ngày 06-7-2023 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam về phần Trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo Đặng Thiệu L và Lê H1.

2.3. Sửa một phần Bản án hình sự sơ thẩm số 50/2023/HS-ST ngày 23-6-2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam về phần Trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo Đặng Thiệu L và Lê H1.

3. Về trách nhiệm hình sự:

3.1. Áp dụng các điểm l, o, n khoản 1 Điều 123; khoản 1 Điều 178; các điểm b, s khoản 1 (đối với tội “Giết người”), các điểm h, s khoản 1 (đối với tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản”, khoản 2 Điều 51; Điều 15; Điều 55 và khoản 3 Điều 57 của Bộ luật Hình sự, xử phạt:

- Đặng Thiệu L 13 (**mười ba**) năm tù về tội “Giết người” và 06 (**sáu**) tháng tù về tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản”; tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành chung của cả hai tội là 13 (**mười ba**) năm 06 (**sáu**) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 13-4-2021.

3.2. Áp dụng các điểm l, o, n khoản 1 Điều 123; khoản 1 Điều 178; các điểm b, s khoản 1 (đối với tội “Giết người”), các điểm h, s khoản 1 (đối với tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản”, khoản 2 Điều 51; Điều 15; Điều 55 và khoản 3 Điều 57 của Bộ luật Hình sự; xử phạt:

- L 13 (**mười ba**) tù về tội “Giết người” và 03 (**ba**) tháng tù về tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản”; tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành chung của cả hai tội là 13 (**mười ba**) năm 03 (**ba**) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 29-12-2020.

3.3. Áp dụng điểm l, o, n khoản 1 Điều 123; khoản 1 Điều 178; các điểm b, s khoản 1 (đối với tội “Giết người”), các điểm h, s khoản 1 (đối với tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản”, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 54; Điều 15, Điều 55 và khoản 3 Điều 57 của Bộ luật Hình sự, xử phạt:

- Nguyễn Văn Q1 10 (**mười**) năm tù về tội “Giết người” và 06 (**sáu**) tháng tù về tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản”; tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành chung của cả hai tội là 10 (**mười**) năm 06 (**sáu**) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 15-12-2020.

3.4. Áp dụng các điểm l, o, n khoản 1 Điều 123; khoản 1 Điều 178; các điểm b, s khoản 1 (đối với tội “Giết người”), các điểm h, s khoản 1 (đối với tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản”, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 15; Điều 55 và khoản 3 Điều 57 của Bộ luật Hình sự, xử phạt:

- Nguyễn Ngọc A1 09 (**chín**) năm tù về tội “Giết người” và 03 (**ba**) tháng tù về tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản”; tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành chung của cả hai tội là 09 (**chín**) năm 03 (**ba**) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 22-12-2020.

3.5. Áp dụng các điểm l, o, n khoản 1 Điều 123; khoản 1 Điều 178; điểm b khoản 2 Điều 318; các điểm b, s khoản 1 (đối với tội “Giết người”), các điểm h, s khoản 1 (đối với tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản”, điểm s khoản 2 (đối với tội “Gây rối trật tự công cộng”), khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 15; Điều 55 và khoản 3 Điều 57 của Bộ luật Hình sự, xử phạt:

- T (**chín**) năm tù về tội “Giết người”, 03 (**ba**) tháng tù về tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản” và 02 (**hai**) năm tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”; tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành chung cả ba tội là 11 (**mười một**) năm 03 (**ba**) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 07-12-2020.

3.6. Áp dụng các điểm l, o, n khoản 1 Điều 123; khoản 1 Điều 178; các điểm b, s khoản 1 (đối với tội “Giết người”), các điểm h, s khoản 1 (đối với tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản”, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 15; Điều 55 và khoản 3 Điều 57 của Bộ luật Hình sự, xử phạt:

- Trần Viết S1 08 (**tám**) năm 09 (**chín**) tháng tù về tội “Giết người” và 03 (**ba**) tháng tù về tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản”; tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành chung của cả hai tội là 09 (**chín**) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 30-10-2021.

3.7. Áp dụng điểm l, o, n khoản 1 Điều 123; khoản 1 Điều 178; các điểm b, s khoản 1 (đối với tội “Giết người”), các điểm h, s khoản 1 (đối với tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản”, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 15; Điều 55 và khoản 3 Điều 57 của Bộ luật Hình sự, xử phạt:

- Phạm Hữu N 08 (**tám**) năm tù về tội “Giết người” và 03 (**ba**) tháng tù về tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản”; tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành chung của cả hai tội là 08 (**tám**) năm 03 (**ba**) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 07-12-2020.

3.8. Áp dụng điểm 1, o, n khoản 1 Điều 123; khoản 1 Điều 178; các điểm b, s khoản 1 (đối với tội “Giết người”), các điểm h, s khoản 1 (đối với tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản”, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 15; Điều 55 và khoản 3 Điều 57 của Bộ luật Hình sự, xử phạt:

- Lê Trí T4 08 (**tám**) năm tù về tội “Giết người” và 03 (**ba**) tháng tù về tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản”; tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành chung của cả hai tội là 08 (**tám**) năm 03 (**ba**) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 07-12-2020.

3.9. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt:

- Nguyễn Văn Q 02 (**hai**) năm tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 07-4-2023.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Về án phí hình sự phúc thẩm:

Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; các điểm b, g khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Đặng Thiệu L, Lê H1, Phạm Hữu N, Trần Viết S1 và Nguyễn Văn Q, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự phúc thẩm.

- Các bị cáo Nguyễn Thế T1 và Lê Đình D2 không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Nam;
- TANDTC - Vụ I;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Quảng Nam;
- Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Quảng Nam;
- Trại tạm giam CA tỉnh Quảng Nam;
(17 bản, để giao cho mỗi bị cáo 01 bản);
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Nam;
- Sở Tư pháp thành phố Đà Nẵng;
- Cục THA dân sự tỉnh Quảng Nam;
- Các bị hại (theo địa chỉ);
- Lưu: H/sơ vụ án, các Phòng HCTP, LTHS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Việt Cường